



**\*\*\* BẢO AN TOÀN**  
**VẬT LIỆU \*\*\***  
**HEMCRAFT(R) CREATE 365**

**1. SẢN PHẨM HÓA CHẤT VÀ XÁC ĐỊNH VỀ CÔNG TY**

|                    |                                    |
|--------------------|------------------------------------|
| TÊN SẢN PHẨM       | HEMCRAFT(R) CREATE 365             |
|                    | Bột                                |
| KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG | Được đề nghị sử dụng cho thực phẩm |

**NHÀ CUNG CẤP**

Ingredion Vietnam Company Limited  
Room 817, 8th Floor Parkson Paragon,  
No.03 Nguyen Luong Bang Street,  
Tan Phu ward, District 7, Ho Chi Minh City 700000,  
Vietnam  
Tel: +84-28-54133368 (business hours)

**MANUFACTURER**

Ingredion (Thailand) Co., Ltd  
40/14 Moo 12, Bangna-Trad Road,  
Bangplee, Samutprakarn 10540  
Thailand  
Tel: +662-725-0200 (business hours)

CHEMTREC - Số điện thoại khẩn (cho sự cố xảy ra đối với sản phẩm về y tế và vận chuyển- 7 ngày/24 giờ)

Số toàn cầu (trừ US): +1 703-741-5970

Úc: +(61)-290372994

Trung Quốc: 4001-204937

Hồng Kông: 800-968-793\*

Ấn Độ: 000-800-100-7141\*

Indonesia: 001-803-017-9114\*

Nhật Bản: +(81)-3-4520-9637

Mã Lai: +(60)-392125794, 1-800-815-308\*

New Zealand: +(64)-98010034

Philippin: +(63) 2-395-3308, 1-800-1-116-1020\*

Singapore: +(65)-31581349, 800-101-2201\*

Hàn Quốc: +(82) 070-7686-0086, 00-308-13-2549\*

Đài Loan: +886-2-7741-4207\*, 00801-14-8954\*

Thái Lan: 001-800-13-203-9987\*

Việt Nam: +(84)-444581938

\*Số điện thoại của các quốc gia được đánh dấu bằng dấu hoa thị phải được quay số trong nước

Thông tin chung và yêu cầu SDS, vui lòng liên lạc chăm sóc khách hàng nội bộ: xem số liên lạc ở phần 16.

**2. SỰ NHẬN RA MỐI NGUY HIỂM.**

|  |   |
|--|---|
| <b>Phân loại theo GHS</b>                  | Không được phân loại theo tiêu chí GHS  |
| <b>Từ ký hiệu theo GHS</b>                 | Không có từ tín hiệu cần thiết.         |
| <b>Các mối nguy theo GHS</b>               | Không có tuyên bố nguy hiểm cần thiết.  |
| <b>Những cảnh giác về an toàn theo GHS</b> | Không có tuyên bố phòng ngừa cần thiết. |

**TỔNG QUAN VỀ TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP**

Các kích ứng vật lý có thể từ những mảnh nhỏ bụi. Nguy cơ nổ tiềm ẩn do bụi.

**DẠNG VẬT CHẤT :**

Bột Trắng mờ  
mờ

MÙI Tinh bột

|             |   |
|-------------|---|
| MẮT         | Bụi hạt có thể làm chảy bề mặt mắt và làm kích ứng bên ngoài  |
| TIẾP XÚC DA | Thấp dưới độ độc  |
| HÍT THỞ     | Sản phẩm này có thể sinh ra bụi gây khó chịu nên được duy trì trọng lượng trung bình 10 mg/m <sup>3</sup> . |
| ĂN, NUỐT    | Độc tố qua miệng thấp   |

### 3. KẾT CẤU/ THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN.

| NHÓM HÓA CHẤT                     |          | Carbohydrate                     |  |
|-----------------------------------|----------|----------------------------------|--|
| BỘ PHẬN (THÀNH TỐ)                | SỐ THÙNG | TẬP TRUNG<br>(% bởi trọng lượng) |  |
| Không được phân loại là nguy hiểm |          |                                  |  |

### 4. NHỮNG BIỆN PHÁP CẤP CỨU

|             |  |
|-------------|--|
| MẮT         | Rửa trôi các hạt bụi trong mắt bằng dung dịch rửa mắt hoặc bằng nước sạch. |
| TIẾP XÚC DA | Nếu triệu chứng tiếp tục tiến triển, cần có sự chăm sóc y tế.              |
| SỰ HÍT VÀO  | Rửa da bằng xà bông và nước.   |
| SỰ ẲN UỐNG  | Di dời đến nơi thoáng khí. Gọi y tế nếu sự kích ứng cứ tiếp tục.           |
|             | Không yêu cầu  |

### 5. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

|                              |   |
|------------------------------|---|
| TỰ PHÁT CHÁY                 | Không có  |
| ĐIỂM PHÁT QUANG              | Không có  |
| MÔI TRƯỜNG DẬP LỬA           | Hóa chất khô; Khí CO <sub>2</sub> ; Sương; Bọt  |
| QUY TRÌNH CHỮA CHÁY ĐẶC BIỆT | Không yêu cầu quy trình đặc biệt nào cả   |
| MỐI NGUY CHÁY & NỔ           | Bụi (rác) có thể gây nổ nếu được trộn với không khí ở khối lượng tới hạn và sự hiện của một nguồn gốc của sự cháy.                  |
| SẢN PHẨM CÓ NGUY CƠ GÂY CHÁY | Sản phẩm này không trải qua quá trình phân hủy tự phát.<br>Những sản phẩm gây cháy điển hình là CO, CO <sub>2</sub> , Nitơ và nước. |
| GIỚI HẠN GÂY NỔ DƯỚI (%)     | No data available   |
| GIỚI HẠN GÂY NỔ TRÊN (%)     | No data available   |

### 6. NHỮNG BIỆN PHÁP LÀM GIẢM TAI NẠN

|   |   |
|---|---|
| QUY TRÌNH ĐỐI PHÓ VỚI VIỆC ĐỔ VỠ VÀ RÒ RỈ | Nên tuân thủ những biện pháp phòng ngừa thông thường đối với "bụi bặm gây khó chịu". Tránh phơi nhiễm bụi lâu dài. Quét hoặc hút bụi và lắp đặt thùng chứa chất thải thích hợp. |
|---|---|

Đối với những đề phòng về an toàn môi trường, xin vui lòng xem lại toàn bộ Bảng Số liệu An toàn Vật liệu cho thông tin cần thiết.

### 7. XỬ LÝ VÀ TÒN TRỦ

|                                  |   |
|----------------------------------|---|
| NHIỆT ĐỘ BẢO QUẢN                | Nhiệt độ thường.  |
| XỬ LÝ / TÒN TRỦ                  | Nên cẩn thận như thường lệ khi xử lý hóa chất .   |
| NHẠY CẢM VỚI TỈNH ĐIỆN           | Có  |
| TÍNH HẠY CẢM ĐẶC BIỆT            | Không có  |
| NHẠY CẢM ĐỐI VỚI TÁC ĐỘNG CƠ HỌC | Không   |
| CÁC CẢNH GIÁC KHÁC               | Dùng cẩn thận tránh gây bụi ở mức tối thiểu trong điều kiện dùng bình thường.<br>Tránh phát tán chất bột trong không khí. Tránh đóng bụi trên bề mặt. |

## 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO HỘ CÁ NHÂN

No data available

|                            |  |
|----------------------------|--|
| YÊU CẦU HỆ THỐNG THÔNG GIÓ | Tổng quát.   |
| YÊU CẦU BẢO HỘ MẮT         | Khuyến cáo dùng kính an toàn.  |
| YÊU CẦU GĂNG TAY           | Thường không đòi hỏi găng tay đối với tình huống sử dụng tiêu liệu được. |
| YÊU QUẦN ÁO                | Không áp dụng.   |
| THAY ĐỔI/ CỎI BỎ QUẦN ÁO   | Thông thường không yêu cầu.  |
| CÁC YÊU CẦU RỬA            | Rửa sạch trước khi ăn, uống, hoặc sử dụng các dụng cụ vệ sinh.           |
| YÊU CẦU BẢO HỘ HÔ HẤP      | Mặt nạ NIOSH được chấp thuận.  |

## 9. TÍNH NĂNG VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

|                                   |                   |
|-----------------------------------|-------------------|
| NGUYÊN CHẤT HOẶC HỖN HỢP          | Nguyên chất       |
| DẠNG VẬT CHẤT                     | Bột               |
| MÀU                               | Trắng mờ mờ       |
| MÙI                               | Tinh bột          |
| NGUỒN MÙI                         | Không có          |
| TRỌNG LƯỢNG PHÂN TỬ               | Lớn hơn (>) 10000 |
| ĐỘ PH                             | Không có          |
| pH trong dung dịch 1%             | Xấp xỉ 6          |
| CÁC ĐẶC TÍNH OXI HÓA              | Không có          |
| ĐIỂM SÔI                          | Không có          |
| ĐIỂM NÓNG CHẢY/ ĐÔNG ĐẶC          | Không có          |
| TÍNH TAN TRONG NƯỚC               | Không tan         |
| HỆ SỐ RIÊNG PHẦN (n-octanol/nước) | Không có          |
| ĐỘ NHỚT                           | Không có          |
| TỈ TRỌNG (NƯỚC=1)                 | 1.5               |
| TỐC ĐỘ BAY HƠI                    | Không có          |
| ÁP SUẤT HƠI (mmHg)                | Không có          |
| TỈ TRỌNG HƠI (air = 1)            | Không có          |
| KHẢ NĂNG BAY HƠI                  | Không             |
| HỢP CHẤT HỮU CƠ DỄ BAY HƠI        | Không có          |
| TỰ PHÁT CHÁY                      | Không có          |
| ĐIỂM PHÁT QUANG                   | Không có          |

## 10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ TÍNH PHẢN ỨNG

|                              |   |
|------------------------------|---|
| TÍNH ỔN ĐỊNH                 | Ổn định (vững chắc)   |
| CHI TIẾT ỔN ĐỊNH             | Vật liệu bền dưới áp suất và nhiệt độ thông thường.   |
| VẬT LIỆU PHẢI TRÁNH XA       | Không biết  |
| ĐIỀU KIỆN PHẢI TRÁNH         | Không biết  |
| SẢN PHẨM PHÂN HỦY ĐỘC HẠI    | Sản phẩm này không trải qua quá trình phân hủy tự phát.<br>Những sản phẩm gây cháy điển hình là CO, CO <sub>2</sub> , Nitơ và nước. |
| ĐIỀU KIỆN PÔLIME HÓA ĐỘC HẠI | Polimer nguy hiểm sẽ không xuất hiện.   |
| TÍNH PHẢN ỨNG                | Not expected to be reactive   |

## 11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

|                         |  |                |  |
|-------------------------|--|----------------|--|
| ĐƯỜNG VÀO               | Tiếp xúc mắt; Tiếp xúc da; Việc hô hấp; Tiêu hóa |                |  |
| CHẤT SINH UNG THU' IARC | NTP  | OSHA Substance |  |

(nhóm)  
**BỘ PHẬN (THÀNH TỐ)**  
Không có bằng chứng cho  
thấy sản phẩm này gây ra  
nguy cơ ung thư khi được  
xử lý và sử dụng trong  
điều kiện bình thường.

Specific Regulation

**SẢN PHẨM CÓ ĐỘC TÍNH**  
**THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM**

No data available

**ẢNH HƯỞNG CẤP TÍNH CỦA SỰ PHỐI NHIỄM**

Các ảnh hưởng cấp tính.

Dường như không gây tác dụng có hại ở những điều  
kiện sử dụng và xử lý được khuyến cáo.

**TÁC ĐỘNG CỦA PHỐI NHIỄM MÃN TÍNH**

**TÁC DỤNG PHỐI NHIỄM MÃN TÍNH**

Sản phẩm này được xem là không độc. Nên áp dụng những  
thực hành vệ sinh công nghiệp.

**CÁC BỘ PHẬN CHỊU TÁC ĐỘNG**

Không áp dụng (không có).

**12. THÔNG TIN SINH THÁI**

|  |                         |
|--|-------------------------|
| <b>TIỀM NĂNG TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG</b> | No data available       |
| <b>TÍNH LƯU ĐỘNG</b>                     | Không biết rõ.          |
| <b>DAI DẰNG VÀ GIẢM CHẤT (HƯ HỎI)</b>    | No data available       |
| <b>CÓ TIỀM NĂNG TÍCH TỤ SINH HỌC</b>     | Không biết rõ.          |
| <b>ĐỘC TÍNH</b>                          | Không có sẵn thông tin. |
| <b>ĐỘC TÍNH ĐỐI VỚI THỦY SINH VẬT</b>    | Không được hành lập     |

**13. NHỮNG XEM XÉT VỀ THẢI BỎ**

|   |   |
|---|---|
| <b>PHƯƠNG PHÁP LOẠI BỎ CHẤT THẢI</b>        | Việc thải bỏ phải tuân thủ qui định quốc gia, vùng và địa phương.   |
| <b>CÁC CẢNH GIÁC ĐỐI VỚI CONTAINER RỖNG</b> | Các container rỗng có thể chứa phần sản phẩm còn sót lại, vì thế nên theo hướng dẫn của MSDS và dán nhãn cảnh báo thậm chí sau khi các container đã được làm rỗng |

**14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN**

Phần này chỉ cung cấp những thông tin tổng quát mà thôi. Những yêu cầu vận chuyển bên dưới có thể không tiêu biểu những yêu cầu đối với tất cả các phương thức vận chuyển, đóng gói, phương thức chuyển hàng hoặc những vị trí bên ngoài Hoa Kỳ.  
**ĐỂ BIẾT THÊM THÔNG TIN ĐẦY ĐỦ VỀ CÁC QUI ĐỊNH VẬN CHUYỂN XIN VUI LÒNG THAM KHẢO NHỮNG HỒ SƠ ĐÍNH KÈM THEO LÔ HÀNG SẢN PHẨM NÀY.**

|                             |                     |
|-----------------------------|---------------------|
| <b>PHÂN LOẠI DOT</b>        | Không được quy định |
| <b>TÊN RIÊNG VẬN CHUYỂN</b> | Không có            |
| <b>LOẠI/ HẠNG NGUY HẠI</b>  | Không có            |
| <b>SỐ U.N</b>               | Not applicable      |

|                             |   |
|-----------------------------|---|
| ĐÓNG GÓI THEO NHÓM<br>***** | Không có<br>*****                         |
| <b>PHÂN LOẠI ICAO/IATA</b>  | Không được quy định                       |
| TÊN RIÊNG VẬN CHUYỂN        | Không có                                  |
| LOẠI/ HẠNG NGUY HẠI         | Không có                                  |
| SỐ U.N                      | Không có                                  |
| ĐÓNG GÓI THEO NHÓM<br>***** | Không có<br>*****                         |
| <b>XẾP LOẠI IMO/IMDG</b>    | Không được quy định                       |
| TÊN RIÊNG VẬN CHUYỂN        | Không có                                  |
| LOẠI/ HẠNG NGUY HẠI         | Không có                                  |
| SỐ U.N                      | Không có                                  |
| ĐÓNG GÓI THEO NHÓM          | Không có                                  |
| ĐIỀM PHÁT QUANG             | Không có                                  |
| TÊN CHẤT GÂY Ô NHIỄM BIÊN   | Không có                                  |
| IMO MFAG                    | Xem Bảng 1-15 dựa trên những triệu chứng. |

Thông tin tạo ra ở đây có thể không bao gồm ảnh hưởng những yêu cầu thường xuyên kết hợp (ví dụ, cho các vật liệu đối chiếu với xác định của một chất thải nguy hiểm dưới RCRA, các chất nguy hiểm dưới CERCLA, và/của tác nhân gây ô nhiễm thuộc về biển dưới CWA hoặc các luật của địa phương hoặc Liên bang tương tự khác) hoặc bất cứ sự loại bỏ có giao kết nào hoặc các sự miễn dưới các quy định áp dụng cho sự vận chuyển vật liệu này.

## 15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

|      |  |
|------|--|
| TSCA | Chất này không có trong Bảng TSCA. Được loại trừ khỏi Luật Thực Phẩm, Thuốc, và Mỹ Phẩm. |
| FDA  | 21CFR 170.31   |

## 16. THÔNG TIN KHÁC

|                              |   |
|------------------------------|---|
| Ngày SDS                     | 27-May-2020   |
| CẦN THÊM THÔNG TIN, LIÊN HỆ: | Vietnam:<br>Ingredion Vietnam Company Limited<br>Tel: +84-28-54133368 |

**THÔNG TIN THÊM:** Những thông tin và khuyến cáo nêu ra ở đây chỉ áp dụng cho sản phẩm của chúng tôi mà thôi và không liên quan đến các sản phẩm khác. Những thông tin và khuyến cáo này dựa trên cơ sở từ nghiên cứu và dữ liệu từ những nguồn đáng tin cậy khác và được tin tưởng là chính xác. Không đưa ra một bảo đảm nào và tính chính xác. Trách nhiệm của người mua trước khi sử dụng bất cứ một sản phẩm nào là kiểm tra dữ liệu này với những điều kiện hoạt động của người mua để xem sản phẩm có thích hợp với mục đích mình hay không.